

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Mã đơn vị có quan hệ với NS:

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Mẫu số: CS3-HD

(Ban hành theo QĐ số: 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/03/2006 của Bộ trưởng BTC và sửa đổi, bổ sung theo thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 của Bộ Tài Chính)

Thời điểm kiểm kê: Ngày Tháng 1 năm 2019

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Nguyễn Huy Bằng Chức vụ: Chủ tịch HD kiểm kê TS
- Ông: Trần Đình Luân Chức vụ: Ủy viên HD kiểm kê TS
- Ông: Hoàng Việt Dũng Chức vụ: Ủy viên HD kiểm kê TS
- Ông: Nguyễn Công Hoàng Chức vụ: Ủy viên HD kiểm kê TS

Chức vụ:

Đã kiểm kê TSCD và tài sản khác tại:

Trung tâm CNTT

- Ông: Vũ Chí Cường Chức vụ: Chủ tịch HD
- Ông: Hà Văn Hải Chức vụ: Ủy viên
- Ông: Chức vụ: Ủy viên
- Ông: Chức vụ: Ủy viên
- Ông: Chức vụ: Ủy viên

, kết quả như sau:

TT	Tên tài sản, thiết bị, máy móc, CCDC	Mã tài sản	Vị trí	Theo số				Theo kiểm kê		Lịch	Ghi chú
				DVT	SL	SL		Vị trí thực tế			
1	Cơ sở 2	04801.01.030701.002	CS 2	HT	1	1		KTX và Khoa NLN Cơ sở 2			
2	Hệ thống wifi tại KTX TT GDQP và Khoa NLN CS2 gồm 26 con tolo link	04801.00.080000.005	FTTH - CS 2	Gói	1	1		Khuôn viên CS2			
3	Màng internet cơ sở II	04801.02.110000.083	Nhà NLN - T1	Chiếc	1	1		Nhà NLN - Tầng 1			
4	Tủ mạng 19U	04801.02.110000.084	Nhà NLN - T2	Chiếc	1	1		Nhà NLN - Tầng 2			
5	Tủ mạng 19U	04801.02.110000.085	Nhà NLN - T3	Chiếc	1	1		Nhà NLN - Tầng 3			
6	Tủ mạng 19U	04801.02.110000.094	Nhà NLN - T4	Chiếc	1	1		Nhà NLN - Tầng 4			
7	Hội trường A	04801.01.031001.047	Nhà Hội trường - 02	Cái	1	1		Hội trường - Tầng 1			
8	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.044	Nhà Hội trường - 04	Cái	1	1		Hội trường - Tầng 1			
9	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.045	Nhà Hội trường - 01	Cái	1	1		Hội trường - Tầng 1			
10	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.046	Nhà Hội trường - 03	Cái	1	1		Hội trường - Tầng 2			
11	Thiết bị mạng ở tầng truy nhập	04801.02.030000.020	Nhà Hội trường	Chiếc	1	1		Hội trường			
12	Nhà A	04801.01.031001.065	Nhà A1 - VP Đoàn TN	Cái	1	1		Nhà A1 - VP Đoàn TN			
13	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.066	Nhà A2 - P.101	Cái	1	1		Nhà A2 - P.101			
14	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.067	Nhà A2 - P.104	Cái	1	1		Nhà A2 - P.104			
15	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.068	Nhà A3 - P.103	Cái	1	1		Nhà A3 - P.103			
16	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.069	Nhà A4 - P.101	Cái	1	1		Nhà A4 - P.101			

TT	Tên tài sản, thiết bị, máy móc, CDC	Mã tài sản	Vị trí	Theo số			Theo kiểm kê		Lịch	Ghi chú
				DVT	SL	SL	Vị trí thực tế			
17	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.070	Nhà A1 - P.201	Cái	1	1	Nhà A1 - P.201			
18	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.071	Nhà A1 - P.205	Cái	1	1	Nhà A1 - P.205			
19	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.072	Nhà A2 - P.202	Cái	1	1	Nhà A2 - P.202			
20	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.073	Nhà A3 - P.201	Cái	1	1	Nhà A3 - P.201			
21	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.074	Nhà A3 - P.204	Cái	1	1	Nhà A3 - P.204			
22	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.075	Nhà A4 - P.202	Cái	1	1	Nhà A4 - P.202			
23	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.076	Nhà A1 - P.303	Cái	1	1	Nhà A1 - P.303			
24	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.077	Nhà A2 - P.301	Cái	1	1	Nhà A2 - P.301			
25	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.078	Nhà A2 - P.304	Cái	1	1	Nhà A2 - P.304			
26	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.079	Nhà A3 - P.303	Cái	1	1	Nhà A3 - P.303			
27	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.080	Nhà A1 - P.403	Cái	1	1	Nhà A1 - P.403			
28	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.081	Nhà A1 - P.401	Cái	1	1	Nhà A1 - P.401			
29	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.082	Nhà A3 - P.404	Cái	1	1	Nhà A3 - P.404			
30	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.083	Nhà A2 - P.404	Cái	1	1	Nhà A2 - P.404			
31	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.170	Nhà A - A3.401	Cái	1	1	Nhà A - A3.401			
32	Thiết bị Wifi OutdoorCiso Aironet 1570 Series Outdoor 2016	04801.01.031001.178	Nhà A - A4 - Outdoor	Cái	1	1	Nhà A - A4 - Outdoor			
33	Thiết bị mạng ở tầng truy nhập	04801.02.030000.025	Nhà A1 - T2	Chiếc	1	1	Nhà A1 - T2			
34	Thiết bị mạng ở tầng truy nhập	04801.02.030000.026	Nhà A1 - T2	Chiếc	1	1	Nhà A1 - T2			
35	Thiết bị mạng ở tầng truy nhập	04801.02.030000.027	Nhà A2 - T2	Chiếc	1	1	Nhà A2 - T2			
36	Thiết bị mạng ở tầng truy nhập	04801.02.030000.028	Nhà A3 - T2	Chiếc	1	1	Nhà A3 - T2			
37	Thiết bị mạng ở tầng truy nhập	04801.02.030000.039	Nhà A3 - T2	Chiếc	1	1	Nhà A3 - T2			
38	Thiết bị mạng ở tầng truy nhập	04801.02.030000.040	Nhà A1 - T2	Chiếc	1	1	Nhà A1 - T2			
39	Distribution Switch Dell Networking S31242017	04805.01.031000.015	Nhà A	Cái	1	1	Nhà A			
40	Điện phát sóng trong nhà	04801.02.110000.051	Nhà A1 - Phòng Quản t	Chiếc	1	1	KTCN - Tầng 3			
41	Tủ mạng 19U	04801.02.110000.073	Nhà A1 - T2	Chiếc	1	1	Nhà A1 - T2			
42	Tủ mạng 19U	04801.02.110000.074	Nhà A2 - T2	Chiếc	1	1	Nhà A2 - T2			
43	Tủ mạng 19U	04801.02.110000.075	Nhà A3 - T2	Chiếc	1	1	Nhà A3 - T2			
44	Tủ mạng 19U	04801.02.110000.076	Nhà A1 - T2	Chiếc	1	1	Nhà A1 - T2			
45	Tủ mạng 19U	04801.02.110000.095	Nhà A1 - T2	Chiếc	1	1	Nhà A1 - T2			
46	Nhà A0									
47	Modul cấp quang	04801.00.030000.010	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ			
48	Modul cấp quang	04801.00.030000.011	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ			
49	Máy chủ HP Proliant ML370 G4 (2 x Intel xeon 3.2 GHz/ 2Gb/ 5 x 36 GB)	04801.00.030000.021	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ			Hồng
50	Máy chủ HP Poroliant ML150G6, màn LCD 17"	04801.00.030000.025	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	KTCN - Tầng 3			
51	Máy chủ IBM System x3650 M2	04801.00.030000.027	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	CS2-GDQP - P. Mạng			
52	Máy chủ HP Proliant DL380 G6	04801.00.030000.028	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ			

TT	Tên tài sản, thiết bị, máy móc, CCDC	Mã tài sản	Vị trí	Theo số		Theo kiểm kê		Lịch	Ghi chú
				ĐVT	SL	SL	Vị trí thực tế		
52	Máy tính để bàn Dell Optilex 260 AVD260MTN	04801.00.030101.001	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - Hà		
53	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.043	Nhà A0 - T1 - Trường khoa XD	Cái	1	1	Nhà A0 - T1 - Trường khoa XD		
54	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.048	Nhà A0 - T1 - VP Viện KTCN	Cái	1	1	Nhà A0 - T1 - VP Viện KTCN		
55	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.049	Nhà A0 - T1 - TT QHĐN	Cái	1	1	Nhà A0 - T1 - TT QHĐN		
56	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.050	Nhà A0 - T1 - VP Khoa SPTN	Cái	1	1	Nhà A0 - T1 - VP Khoa SPTN		
57	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.051	Nhà A0 - T1 - VP Khoa Luật	Cái	1	1	Nhà A0 - T1 - VP Khoa Luật		
58	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.052	Nhà A0 - T2 - VP Viện CN HSM T	Cái	1	1	Nhà A0 - T2 - VP Viện CN HSM T		
59	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.053	Nhà A0 - T2 - VP Viện SPTN - ngành Hóa	Cái	1	1	Nhà A0 - T2 - VP Viện SPTN - ngành Hóa		
60	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.054	Nhà A0 - T2 - VP Khoa Kinh tế	Cái	1	1	Nhà A0 - T2 - VP Khoa Kinh tế		
61	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.055	Nhà A0 - T3 - P.301	Cái	1	1	Nhà A0 - T3 - P.301		
62	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.056	Nhà A0 - T3 - Viện KTCN	Cái	1	1	Nhà A0 - T3 - Viện KTCN		
63	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.057	Nhà A0 - T3 - Khoa Giáo dục Chính trị	Cái	1	1	Nhà A0 - T3 - Khoa Giáo dục Chính trị		
64	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.058	Nhà A0 - T3 - Khoa Địa lý	Cái	1	1	Nhà A0 - T3 - Khoa Địa lý		
65	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.059	Nhà A0 - T4 - P.403	Cái	1	1	Nhà A0 - T4 - P.403		
66	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.060	Nhà A0 - T4 - P.407	Cái	1	1	Nhà A0 - T4 - P.407		
67	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.061	Nhà A0 - T4 - P.501	Cái	1	1	Nhà A0 - T4 - P.501		
68	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.062	Nhà A0 - T4 - P.503	Cái	1	1	Nhà A0 - T4 - P.503		
69	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.063	Nhà A0 - T4 - P.505	Cái	1	1	Nhà A0 - T4 - P.505		
70	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.064	Nhà A0 - T4 - P.508	Cái	1	1	Nhà A0 - T4 - P.508		
71	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.161	Nhà A0 - P. Máy chủ	Cái	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
72	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.162	Nhà A0 - P. Máy chủ	Cái	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
73	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.163	Nhà A0 - P. Máy chủ	Cái	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
74	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.164	Nhà A0 - P. Máy chủ	Cái	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
75	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.165	Nhà A0 - P. Máy chủ	Cái	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
76	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.166	Nhà A0 - P. Máy chủ	Cái	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
77	Thiết bị Wifi OutdoorCiso Aironet 1570 Series Outdoor 2016	04801.01.031001.171	Nhà A0 - AP - Outdoor	Cái	1	1	Nhà A0 - Outdoor - 01		
78	Thiết bị Wifi OutdoorCiso Aironet 1570 Series Outdoor 2016	04801.01.031001.172	Nhà A0 - Khoa Kinh tế	Cái	1	1	Nhà A0 - Khoa Kinh tế		

TT	Tên tài sản, thiết bị, máy móc, CCDC	Mã tài sản	Vị trí	Theo số		Theo kiểm kê		Lịch	Ghi chú
				ĐVT	SL	SL	Vị trí thực tế		
79	Thiết bị Wifi OutdoorCisco Aironet 1570 Series Outdoor 2016	04801.01.031001.180	Nhà A0 - P. Máy chủ	Cái	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
80	Máy chủ	04801.02.030000.001	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
81	Máy chủ	04801.02.030000.002	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
82	Máy chủ	04801.02.030000.003	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
83	Máy chủ	04801.02.030000.004	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
84	Máy chủ	04801.02.030000.005	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
85	Máy chủ	04801.02.030000.006	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
86	Máy chủ	04801.02.030000.007	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
87	Máy chủ	04801.02.030000.008	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
88	Máy chủ	04801.02.030000.009	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
89	Thiết bị bảo mật hệ thống mail	04801.02.030000.010	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
90	Tủ mạng 42U	04801.02.030000.011	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
91	Tủ mạng 42U	04801.02.030000.012	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
92	Thiết bị lưu trữ qua mạng (S11)	04801.02.030000.013	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
93	Thiết bị lưu trữ qua mạng (IBM system - storage)	04801.02.030000.014	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
94	Thiết bị mạng ở tầng lồi	04801.02.030000.015	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
95	Thiết bị mạng ở tầng phân tán	04801.02.030000.016	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
96	Thiết bị mạng ở tầng phân tán	04801.02.030000.017	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Cơ sở 2 - Phòng mạng		
97	Thiết bị mạng ở tầng truy nhập	04801.02.030000.018	Nhà A0 - T4	Chiếc	1	1	Nhà A0 - T4		
98	Thiết bị mạng ở tầng truy nhập	04801.02.030000.019	Nhà A0 - T5	Chiếc	1	1	Nhà A0 - T5		
99	Thiết bị mạng ở tầng truy nhập	04801.02.030000.021	Nhà A0 - T3	Chiếc	1	1	Nhà A0 - T3		
100	Thiết bị mạng ở tầng truy nhập	04801.02.030000.022	Nhà A0 - T2	Chiếc	1	1	Nhà A0 - T2		
101	Thiết bị mạng ở tầng truy nhập	04801.02.030000.023	Nhà A0 - T1	Chiếc	1	1	Nhà A0 - T1		
102	Thiết bị mạng ở tầng truy nhập	04801.02.030000.024	Nhà A0 - T1	Chiếc	1	1	Nhà A0 - T1		
103	Thiết bị mạng ở tầng truy nhập	04801.02.030000.041	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
104	Tủ mạng 19" 42U	04801.02.030000.049	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
105	Bộ định tuyến	04801.02.030000.050	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
106	Thiết bị tường lửa	04801.02.030000.051	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
107	Thiết bị kết nối internet	04801.02.030000.052	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
108	Thiết bị điều khiển mạng không dây	04801.02.030000.053	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
109	UPS 30 KVA	04801.02.030000.170	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
110	UPS 6 KVA	04801.02.030000.171	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
111	UPS 1 KVA	04801.02.030000.172	Nhiều vị trí:A0.4;THTN.1;A.3;	Chiếc	24	11	Nhiều vị trí:A0.4;THTN.1;A.3;B	13	
112	Thiết bị chống sét	04801.02.030000.173	B.2.KTX.1 Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	2.KTX.1 Nhà A0 - P. Máy chủ		
113	Thiết bị chống sét cho các đường truyền mạng	04801.02.030000.174	Nhà A0 - P. Máy chủ + Nhà KTCN	Chiếc	80	80	Nhà A0 - P. Máy chủ: 40 + Nhà KTCN: 40		

TT	Tên tài sản, thiết bị, máy móc, CCDC	Mã tài sản	Vị trí	Theo sổ		Theo kiểm kê		Lịch	Ghi chú
				DVT	SL	SL	Vị trí thực tế		
114	Thiết bị chống cháy	04801.02.030000.175	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
115	Sàn lót thép (mét vuông)	04801.02.030000.176	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	30	30	Nhà A0 - P. Máy chủ		
116	Điều hoà nhiệt độ 36000BTU	04801.02.030000.177	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
117	Điều hoà nhiệt độ 36000BTU	04801.02.030000.178	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
118	Máy chủ IBM 3650M3	04801.02.030000.184	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
119	Máy chủ IBM 3650M3	04801.02.030000.185	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
120	Máy chủ IBM 3650M3	04801.02.030000.186	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
121	Tủ mạng chuyên dụng Rittal	04801.02.030000.187		Chiếc	11			11	Không rõ vị trí từ năm 2016. Đề nghị cho biết dự án để kê khai
122	Switch và các đầu nối	04801.02.030000.188	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
123	Switch và các đầu nối	04801.02.030000.189	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
124	Switch và các đầu nối	04801.02.030000.190	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
125	Switch và các đầu nối	04801.02.030000.191	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
126	Switch và các đầu nối	04801.02.030000.192	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
127	Core Switch Cisco Catalyst	04803.00.030000.001	Nhà A0 - P. Máy chủ	cái	6	6	Nhà A0 - P. Máy chủ		
128	Thanh chia nguồn APC PDU AP7553	04803.01.030000.001	Nhà A0 - P. Máy chủ	cái	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
129	Thiết bị cân bằng tải cho đường ADSL Fortinet Ascenlink 700 2016	04803.01.031001.001	Nhà A0 - P. Máy chủ	Cái	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
130	Thiết bị định tuyến hỗ trợ đa dịch vụ Router Cisco 2921/K9 2016	04803.01.031001.002	Nhà A0 - P. Máy chủ	Cái	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
131	Thiết bị tường lửa thế hệ mới (Next Generation Firewall Appliance) FortiGate300C 2016	04803.01.031001.003	Nhà A0 - P. Máy chủ	Cái	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
132	Chuyển mạch trung tâm (Core Switch) dạng chassis+Supervisor Engine Cisco Catalyst 4506E	04803.01.031001.004	Nhà A0 - P. Máy chủ	Cái	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
133	Thiết bị chuyển mạch vùng DMZ Cisco WSC2960X24TSL 2016	04803.01.031001.006	Nhà A0 - P. Máy chủ	Cái	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
134	Thiết bị chuyển mạch truy cập Cisco WSC2960X24TS 2016	04803.01.031001.007	Nhà A0 - P. Máy chủ	Cái	2	2	Nhà A0 - P. Máy chủ		
135	Hệ thống máy chủ (áo hóa thành các máy chủ ứng dụng: Web, DNS, máy chủ CSDL) Dell Powe	04803.01.031001.009	Nhà A0 - P. Máy chủ	Cái	3	3	Nhà A0 - P. Máy chủ		
136	Thiết bị lưu trữ SAN EMC VNX5200 2016	04803.01.031001.011	Nhà A0 - P. Máy chủ	Bộ	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
137	Thiết bị chuyển mạch SAN switch Brocade300 2016	04803.01.031001.012	Nhà A0 - P. Máy chủ	Bộ	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
138	Tủ rack kèm KVM NetSneller SX 42U APC Aten KVM CL1308N 2016	04803.01.031001.013	Nhà A0 - P. Máy chủ	Cái	2	2	Nhà A0 - P. Máy chủ		
139	Thiết bị lưu điện UPS EatonSeries 20K VA 2016	04803.01.031001.014	Nhà A0 - P. Máy chủ	Bộ	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ	Hồng	
140	Thiết bị cân bằng tải máy chủ và bảo mật F5BIGL TM2200S2017	04805.01.031000.001	Nhà A0 - P. máy chủ - Tủ 5	Cái	1	1	Nhà A0 - P. máy chủ - Tủ 5		
141	Máy chủ CSDL Dell™ PowerEdge™ R630 Rack Mount Server 18451H2 2017	04805.01.031000.002	Nhà A0 - P. máy chủ- Tủ 1	Cái	1	1	Nhà A0 - P. máy chủ- Tủ 1		

TT	Tên tài sản, thiết bị, máy móc, CCDC	Mã tài sản	Vị trí	Theo sổ		Theo kiểm kê		Lịch	Ghi chú
				ĐVT	SL	SL	Vị trí thực tế		
142	Máy chủ Web Dell™ Power Edger™ R630 Rack Mount Server 17Y61H2 2017	04805.01.031000.003	Nhà A0 - P. máy chủ- Tủ 1	Cái	1	1	Nhà A0 - P. máy chủ- Tủ 1		
143	Máy chủ Web Dell™ Power Edger™ R630 Rack Mount Server 17XB1H2 2017	04805.01.031000.004	Nhà A0 - P. máy chủ- Tủ 1	Cái	1	1	Nhà A0 - P. máy chủ- Tủ 1		
144	Máy chủ CacheDell™ Power Edger™ R630 Rack Mount Server 18W71H2 2017	04805.01.031000.005	Nhà A0 - P. máy chủ- Tủ 1	Cái	1	1	Nhà A0 - P. máy chủ- Tủ 1		
145	Máy chủ? CacheDell™ Power Edger™ R630 Rack Mount Server 18X21H2 2017	04805.01.031000.006	Nhà A0 - P. máy chủ- Tủ 1	Cái	1	1	ĐBCL - Tầng 3		
146	Hệ thống lưu trữ Dell Storage SCv2020 FC J623YC2 2017	04805.01.031000.007	Nhà A0 - P. máy chủ- Tủ 1	Cái	1	1	Nhà A0 - P. máy chủ- Tủ 1		
147	Mở rộng cổng SAN Kit Ports on Demand Expansion, 8Port (With 8Gbps SFP + License), Bro	04805.01.031000.008	Nhà A0 - P. máy chủ- Tủ 1	Cái	1	1	Nhà A0 - P. máy chủ- Tủ 1		
148	SAN Switch Brocade 300 PortsOnDemand 8Gb FC Switch (16x8G SFP + 8 Empty Ports) 6VRZ	04805.01.031000.009	Nhà A0 - P. máy chủ- Tủ 1	Cái	1	1	Nhà A0 - P. máy chủ- Tủ 1		
149	Thiết bị cân bằng tải đường truyền FortiWAN1000B Link Load Balance System2017	04805.01.031000.010	Nhà A0 - P. máy chủ- Tủ 4	Cái	1	1	Nhà A0 - P. máy chủ- Tủ 4		
150	Distribution Switch Dell Networking S31242017	04805.01.031000.011	Nhà A0 - P. máy chủ	Cái	1	1	Nhà A0 - P. máy chủ		
151	Distribution Switch Dell Networking S31242017	04805.01.031000.012	Nhà A0 - P. máy chủ	Cái	1	1	Nhà DH - Tầng 4		
152	Máy chủ ApplicationDell PowerEdge R730 Server 2016	04805.01.031001.001	Nhà A0 - P. máy chủ- Tủ 2	Bộ	1	1	Nhà A0 - P. máy chủ- Tủ 2		
153	Hệ điều hành	04801.00.080000.003	Nhà A0	HT	1	1			Hết hạn. Đề nghị gạch số
154	Hệ thống giám sát NMS 10002017	04805.01.080103.001	Nhà A0 - P. máy chủ- Tủ 4	Cái	1	1	Nhà A0 - P. máy chủ- Tủ 4		
155	Hub Surecom Switch 24 port	04801.00.110000.006	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
156	Switch 24 port	04801.00.110000.013	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
157	Switch 24 port	04801.00.110000.014	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
158	Điều hòa 2 cục Panasonic 12000BTU	04801.00.110000.016		Chiếc	1				1 Q. Trị đã thu hồi. Đề nghị gạch số
159	Điều hoà nhiệt độ 2 cục 1 chiều Panasonic 12.000 BTU	04801.00.110000.018		Chiếc	1				1 Q. Trị đã thu hồi. Đề nghị gạch số
160	Điều hòa 2 cục LG 12.000 BTU	04801.00.110000.020	Phòng máy chủ	Chiếc	1	1	Phòng máy chủ		
161	Thiết bị mạng ở tầng truy nhập	04801.02.110000.001	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
162	Thiết bị mạng ở tầng truy nhập	04801.02.110000.002	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
163	Thiết bị mạng ở tầng truy nhập	04801.02.110000.003	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
164	Thiết bị mạng ở tầng truy nhập	04801.02.110000.004	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
165	Thiết bị mạng ở tầng truy nhập	04801.02.110000.005	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
166	Thiết bị mạng ở tầng truy nhập	04801.02.110000.006	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		

TT	Tên tài sản, thiết bị, máy móc, CCDC	Mã tài sản	Vị trí	Theo số		Theo kiểm kê		Lệch	Ghi chú
				ĐVT	SL	SL	Vị trí thực tế		
167	Bộ phát sóng trong nhà Juniper MR4226	04801.02.110000.007	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
168	Bộ phát sóng trong nhà	04801.02.110000.008	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
169	Bộ phát sóng trong nhà	04801.02.110000.009	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
170	Bộ phát sóng trong nhà	04801.02.110000.010	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
171	Bộ phát sóng trong nhà	04801.02.110000.011	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
172	Bộ phát sóng trong nhà	04801.02.110000.012	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
173	Bộ phát sóng trong nhà	04801.02.110000.013	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
174	Bộ phát sóng trong nhà	04801.02.110000.014	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
175	Bộ phát sóng trong nhà	04801.02.110000.015	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
176	Tủ mạng 19U	04801.02.110000.072	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
177	Tủ mạng 19U	04801.02.110000.089	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
178	Tủ mạng 19U	04801.02.110000.090	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
179	Tủ mạng 19U	04801.02.110000.091	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
180	Tủ mạng 19U	04801.02.110000.092	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
181	Tủ mạng 19U	04801.02.110000.093	Nhà A0 - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
182	Module Quang 1000BASELX/LH SFP2017	04805.01.110000.001	Nhà A0 - P. Máy chủ - Tủ 4	Cái	17	17	Nhà A0 - P. Máy chủ - Tủ 4		
Nhà B									
183	Hệ thống camera giám sát bổ sung khu vực nhà kho gồm 2 con speedom	04801.01.030701.001	Sau kho B1	cái	1	1	Nhà kho và trạm điện		
184	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.084	Nhà B2 - P.101	Cái	1	1	Nhà B2 - P.101		
185	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.085	Nhà B2 - P.103	Cái	1	1	Nhà B2 - P.103		
186	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.086	Nhà B3 - P.102	Cái	1	1	Nhà B3 - P.102		
187	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.087	Nhà B1 - P.103	Cái	1	1	Nhà B1 - P.103		
188	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.088	Nhà B3 - P.104	Cái	1	1	Nhà B3 - P.104		
189	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.089	Nhà B2 - P.203	Cái	1	1	Nhà B2 - P.203		
190	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.090	Nhà B2 - P.205	Cái	1	1	Nhà B2 - P.205		
191	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.091	Nhà B1 - P.204	Cái	1	1	Nhà B1 - P.204		
192	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.092	Nhà B1 - P.201	Cái	1	1	Nhà B1 - P.201		
193	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.093	Nhà B3 - P.203	Cái	1	1	Nhà B3 - P.203		
194	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.094	Nhà B2 - P.301	Cái	1	1	Nhà B2 - P.301		
195	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.095	Nhà B1 - P.303	Cái	1	1	Nhà B1 - P.303		
196	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.096	Nhà B3 - P.305	Cái	1	1	Nhà B3 - P.305		
197	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.097	Nhà B2 - P.304	Cái	1	1	Nhà B2 - P.304		
198	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.098	Nhà B3 - P.301	Cái	1	1	Nhà B3 - P.301		
199	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.099	Nhà B2 - P.402	Cái	1	1	Nhà B2 - P.402		
200	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.100	Nhà B2 - P.405	Cái	1	1	Nhà B2 - P.405		
201	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.101	Nhà B3 - P.403	Cái	1	1	Nhà B3 - P.403		

TT	Tên tài sản, thiết bị, máy móc, CCDC	Mã tài sản	Vị trí	Theo sổ		Theo kiểm kê		Lịch	Ghi chú
				ĐVT	SL	SL	Vị trí thực tế		
202	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.102	Nhà B2 - P.501	Cái	1	1	Nhà B2 - P.501		
203	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.103	Nhà B2 - P.504	Cái	1	1	Nhà B2 - P.504		
204	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.104	Nhà B3 - P.505	Cái	1	1	Nhà B3 - P.505		
205	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.105	Nhà B3 - P.502	Cái	1	1	Nhà B3 - P.502		
206	Thiết bị Wifi OutdoorCiso Aironet 1570 Series Outdoor 2016	04801.01.031001.179	Nhà B - B1 - Outdoor	Cái	1	1	Nhà B - B1 - Outdoor		
207	Thiết bị mạng ở tầng truy nhập	04801.02.030000.029	Nhà B3 - T3	Chiếc	1	1	Nhà B3 - T3		
208	Thiết bị mạng ở tầng truy nhập	04801.02.030000.030	Nhà B3 - T3	Chiếc	1	1	Nhà B3 - T3		
209	Thiết bị mạng ở tầng truy nhập	04801.02.030000.031	Nhà B3 - T1	Chiếc	1	1	Nhà B3 - T1		
210	Distribution Switch Dell Networking S31242017	04805.01.031000.014	Nhà B	Cái	1	1	Nhà B		
211	Tủ mạng 19U	04801.02.110000.087	Nhà B3 - T3	Chiếc	1	1	Nhà B3 - T3		
212	Tủ mạng 19U	04801.02.110000.088	Nhà B3 - T1	Chiếc	1	1	Nhà B3 - T1		
	Nhà Điều hành								
213	Máy tính Lenovo ThinkCentre Edge 71	04801.00.030000.003	TV mượn	Chiếc	1			1	Đã bàn giao thư viện.
214	Máy tính Lenovo ThinkCentre Edge 71	04801.00.030000.004	TV mượn	Chiếc	1			1	Đề nghị gạch số
215	Máy chủ Server 1 Model: CMS SOLOMON	04801.00.030000.018	VP TT CNTT	Chiếc	1			1	Đã thanh lý. Đề nghị gạch số
216	Máy Fax Panasonic KX MB2030	04801.00.030000.033	VP TT CNTT	Chiếc	1	1	Nhà DH - Tầng 4		Hồng. Đề nghị thu
217	Máy tính học viên Lenovo think Centre E72	04801.00.030000.035	VP TT CNTT	bộ	1	1	Nhà DH - Tầng 4		Hồng. Đề nghị thu
218	Máy tính để bàn Dell Optiplex 3020 MT Lương Hồng Phong	04801.01.030104.001	VP TT CNTT	Chiếc	1	1	VP TT CNTT - Phong		
219	Máy tính xách tay Dell XPS 13 Thầy Hòa	04801.01.030207.001	VP TT CNTT	Cái	1	1	VP TT CNTT		
220	Switch Catalyst Cisco WSC2960X24TSL GDQP2017	04801.01.031000.001	Nhà CNC T4	Cái	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
221	Switch Catalyst Cisco WSC2960X24TSL GDQP2017	04801.01.031000.002	Nhà CNC T4	Cái	1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
222	Switch Catalyst Cisco WSC2960X24TSL GDQP2017	04801.01.031000.003	Nhà CNC T4	Cái	1	1	Nhà CNC T4-01		
223	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.001	Nhà CNC T4-01	Cái	1	1	Nhà CNC T4-02		
224	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.002	Nhà CNC T4-02	Cái	1	1	Nhà CNC T1-01		
225	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.003	Nhà CNC T1-01	Cái	1	1	Nhà CNC T1-02		
226	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.004	Nhà CNC T1-02	Cái	1	1	Nhà CNC T2-01		
227	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.005	Nhà CNC T2-01	Cái	1	1	Nhà CNC T2-02		
228	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.006	Nhà CNC T2-02	Cái	1	1	Nhà CNC T3-01		
229	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.007	Nhà CNC T3-01	Cái	1	1	Nhà CNC T3-02		
230	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.008	Nhà CNC T3-02	Cái	1	1	Nhà CNC T5-01		
231	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.009	Nhà CNC T5-01	Cái	1	1	Nhà CNC T5-02		
232	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.010	Nhà CNC T5-02	Cái	1	1	Nhà CNC T6-01		
233	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.011	Nhà CNC T6-01	Cái	1	1	Nhà CNC T6-02		
234	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.012	Nhà CNC T6-02	Cái	1	1	Nhà CNC T7-01		
235	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.013	Nhà CNC T7-01	Cái	1	1	Nhà CNC T7-02		
236	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.014	Nhà CNC T7-02	Cái	1	1	Nhà CNC T7-02		

TT	Tên tài sản, thiết bị, máy móc, CCDC	Mã tài sản	Vị trí	Theo số		Theo kiểm kê		Lịch	Ghi chú
				DVT	SL	SL	Vị trí thực tế		
237	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.015	Nhà CNC T8-CLC-MA	Cái	1	1	Nhà CNC T8-MAP 2		
238	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.016	Nhà CNC T8-01	Cái	1	1	Nhà CNC T8-01		
239	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.017	Nhà CNC T8-RAP	Cái	1	1	Nhà CNC T8-RAP		
240	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.018	Nhà CNC T8-CLC-MA	Cái	1	1	Nhà CNC T8-MAP 1		
241	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.019	Nhà CNC T1-MAP 1-0	Cái	1	1	Nhà CNC T1-MAP101		
242	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.020	Nhà CNC T1-MAP 1-0	Cái	1	1	Nhà CNC T1-MAP 102		
243	Thiết bị Wifi OutdoorCiso Aironet 1570 Series Outdoor 2016	04801.01.031001.173	Nhà CNC - AP - Outdo	Cái	1	1	Nhà CNC - AP - Outdo		
244	Thiết bị mạng ở tầng truy nhập	04801.02.030000.037	Nhà CNC	Chiếc	1	1	Nhà DH - Tầng 4		
245	Cáp quang (m)	04801.02.030000.141	Dưới đất	Chiếc	2,300	2,300	Dưới đất		
246	Cáp quang kiểu nhiều kết nối (m)	04801.02.030000.142	Dưới đất	Chiếc	2,400	2,400	Dưới đất		
247	Cáp 6 UTP (cuộn)	04801.02.030000.143	Dưới đất	Chiếc	100	100	Dưới đất		
248	Outlet, Wall Plates, Gens và phụ kiện	04801.02.030000.144		Chiếc	600	600	Dưới đất		
249	Hệ thống điện	04801.02.030000.179		Chiếc	1	1	Nhà DH - Tầng 4		
250	Máy tính xách tay Acer TM8472TG	04801.02.030000.180	A Som - Tổ Đào tạo - G	Chiếc	1	1	Nguyễn Som - GDTX		
251	Máy tính xách tay Acer TM8472TG	04801.02.030000.181	A Hà - CNTT	Chiếc	1	1	A Hà - CNTT		
252	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450	04801.02.030000.193	A Tân	Chiếc	1	1	A Tân		
253	Màn hình cảm ứng YNL PPC42HW42"	04801.02.030000.195	Bảo hành - chưa lấy về	Chiếc	1		Quản trị đã thu về kho	1	Q.Trị Đã thu hồi. Để nghỉ gạch số
254	Màn hình cảm ứng YNL PPC42HW42"	04801.02.030000.196	Bảo hành - chưa lấy về	Chiếc	1		Quản trị đã thu về kho	1	Q.Trị Đã thu hồi. Để nghỉ gạch số
255	Màn hình cảm ứng YNL PPC42HW42"	04801.02.030000.199	Bảo hành - chưa lấy về	Chiếc	1		Quản trị đã thu về kho	1	Q.Trị Đã thu hồi. Để nghỉ gạch số
256	Hệ thống mạng, điện thoại, camera nhà CNC	04801.06.030000.001	Nhà CNC	HT	1	1	Các văn phòng và các tầng		
257	Máy tính để bàn Dell Optiplex 3020MT	04801.06.030000.002	VP TT CNTT - Nghĩa	Chiếc	1	1	VP TT CNTT - Nghĩa		Dã chuyển khoa Địa.
258	Máy tính để bàn Dell Optiplex 3020MT	04801.06.030000.003	VP TT CNTT - Hải	Chiếc	1			1	Đề nghị gạch số
259	Hệ thống camera giám sát cơ sở 1	04801.09.030000.001		HT	1	1	Hệ thống speedom toàn trường		
260	Hệ thống camera giám sát Trại Ngọt Hưng Nguyễn	04801.09.030000.002		HT	1		Trại Ngọt, Huyện	1	Không rõ. TL
261	Hệ thống camera giám sát Trại Mân	04801.09.030000.003		HT	1			1	Không rõ
262	Máy hàn cấp quang Sumitomo Type Z1C 2016	04803.01.031001.008	Nhà CNC - P. Máy chủ	Cái	1	1	Nhà DH - Tầng 4		
263	Hệ thống chống sét LPI 3PPMSG135KA 2016	04803.01.031001.015	Nhà CNC - P. Máy chủ	HT	1	1	Nhà DH - Tầng 4		
264	Hệ thống bảo cháy Nohmi 2016	04803.01.031001.016	Nhà CNC - P. Máy chủ	HT	1	1	Nhà DH - Tầng 4		
265	Thiết bị chống ẩm Fujite HM620EB 2016	04803.01.031001.017	Nhà CNC - P. Máy chủ	Bộ	1	1	Nhà DH - Tầng 4		
266	Quạt thông gió 200QNM2 2016	04803.01.031001.018	Nhà CNC - P. Máy chủ	Bộ	1	1	Nhà DH - Tầng 4		Không rõ
267	Cửa ra vào phòng DC 2016	04803.01.031001.019	Nhà CNC - P. Máy chủ	Bộ	1	1	Nhà DH - Tầng 4		Không rõ
268	Hệ thống điện 03 pha và tủ điện Schneider Electric 2016	04803.01.031001.020	Nhà CNC - P. Máy chủ	HT	1	1	Nhà DH - Tầng 4		
269	Hệ thống kiểm soát cửa ra vào AVM 2016	04803.01.031001.021	Nhà CNC - P. Máy chủ	HT	1	1	Nhà DH - Tầng 4		

TT	Tên tài sản, thiết bị, máy móc, CCDC	Mã tài sản	Vị trí	Theo số		Theo kiểm kê		Lịch	Ghi chú
				DVT	SL	SL	Vị trí thực tế		
270	Máy tính Dell Optiplex 3040 2017	04804.01.030106.001	Phòng lập trình		1	1	VP TT CNTT - Tầng		
271	Máy tính Dell Optiplex 3046 2017	04804.01.030106.002	VP TT CNTT	Cải	1	1	VP TT CNTT - Sơn		
272	Máy tính Dell Optiplex 3046 2017	04804.01.030106.003	VP TT CNTT	Cải	1	1	VP TT CNTT - Trình		
273	Máy tính để bàn Dell Precision Tower 3620 XCTO BASE2017	04805.01.030109.001	VP TT CNTT	Cải	1	1	VP TT CNTT - Hải		
274	Máy tính để bàn Dell Precision Tower 3620 XCTO BASE2017	04805.01.030109.002	VP TT CNTT	Cải	1	1	VP TT CNTT - Cường		
275	Máy tính để bàn Dell Precision Tower 3620 XCTO BASE2017	04805.01.030109.003	Nhà CNC - T4	Cải	1	1	Nhà DH - T4		Nhà camera
276	Màn hình hiển thị Samsung 60 INCH 60KU6002017	04805.01.030801.001	VP TT CNTT	Cải	1	1	VP TT CNTT		Số học
277	Màn hình hiển thị Samsung 60 INCH 60KU6002017	04805.01.030801.002	Nhà CNC - T4	Cải	1	1	Nhà DH - T4		
278	Màn hình hiển thị Samsung 60 INCH 60KU6002017	04805.01.030801.003	Nhà CNC - T4	Cải	1	1	Nhà DH - T4		Ko số
279	Distribution Switch Dell Networking S31242017	04805.01.031000.018	Nhà CNC - T4	Cải	1	1	KTX mới cs2		
280	Distribution Switch Dell Networking S31242017	04805.01.031000.019	Nhà CNC - T4 - chưa di Cải		1	1	Nhà DH - T4		
281	Máy chủ Rack 2U Lenovo Think System SR650 GDQP2017	04805.01.031000.020	Nhà CNC - T4 - chưa di Cải		1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
282	Máy chủ Rack 2U Lenovo Think System SR650 GDQP2017	04805.01.031000.021	Nhà CNC - T4 - chưa di Cải		1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
283	Máy chủ Rack 4U Lenovo Think System x3850X5 GDQP2017	04805.01.031000.022	Nhà CNC - T4 - chưa di Cải		1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
284	Bộ lưu điện Ares 40KV A/36KW GDQP2017	04805.01.031000.023	Nhà CNC - T4 - chưa di Cải		1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
285	Switch Access Dell Networking N1548	04807.01.031000.013	Nhà CNC - T4	Cải	1	1	KTCN - Tầng 3		
286	Máy chủ Rack 2U Lenovo Think System SR650 GDQP2017	04808.01.031000.001	Nhà CNC - T4 - chưa di Cải		1	1	Nhà A0 - P. Máy chủ		
287	Switch Catalyst Cisco WSC2960X24TSL GDQP2017	04808.01.031000.002	Nhà CNC - T4 - chưa di Cải		1	1	Nhà DH - KHTC	1	Dã giao KHTC - Đề nghị gạch số
288	Access Point Outdoor AIRCAP1532EEK9 GDQP2017	04809.01.031000.001	Nhà CNC - T4 - chưa di Cải		1	1	Nhà DH - Tầng 4		
289	Access Point Outdoor AIRCAP1532EEK9 GDQP2017	04809.01.031000.002	Nhà CNC - T4 - chưa di Cải		1	1	Nhà DH - Tầng 4		
290	Access Point Outdoor AIRCAP1532EEK9 GDQP2017	04809.01.031000.003	Nhà CNC - T4 - chưa di Cải		1	1	Nhà DH - Tầng 4		Hết hạn. Đề nghị gạch số
291	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Truy vấn	04801.00.080000.001	QHQT	HT	1	1			Hết hạn. Đề nghị gạch số
292	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle	04801.00.080000.002	QHQT	HT	1	1			Hết hạn. Đề nghị gạch số
293	Phần mềm quản lý hành chính điện tử	04801.00.080000.004	Phần mềm e-office	HT	1	1			Hết hạn. Đề nghị gạch số
294	Máy in HP LaserJet P2035	04801.00.110000.010	VP TT CNTT - A Cường	Chiếc	1	1	VP CNTT - A Cường		
295	Ổ cứng cho đầu ghi Camera tại các hệ thống camera	04801.01.110000.001	Năm 2017	Cải	6	6	CNC: 2; A0:1;KTCN:2;THTN:1		
296	Máy in HP laser Pro 400 M402D Anh Tân T62017	04801.01.110102.001	VP TT CNTT - A Tấn	Cải	1	1	VP TT CNTT - A Tấn		
297	Máy in HP Laser P2055d	04801.02.110000.097	VP TT CNTT - Nghĩa	Chiếc	1	1	VP TT CNTT - Nghĩa		
298	Máy in HP Laser P2055d	04801.02.110000.098	VP TT CNTT - Phòng	Chiếc	1	1	VP TT CNTT - Phòng		
299	Card hiển thị số Panasonic	04803.01.110000.001	Nhà CNC - P. Máy chủ	Cải	2	2	Nhà DH - Tầng 4		
300	Switch Layer 2 Cisco Catalyst Express	04805.00.110000.001	Nhà CNC - P. Máy chủ	Chiếc	1	1	Nhà DH - Tầng 4		
301	Camera ngoài trời 3MP HD IPCHFW1320 NP	04807.01.110000.003	Năm 2017	Cải	9	9	KTCN - 4 Góc nhà		
302	Camera hành lang 1.3MP HD IPCHDW1120 NP	04807.01.110000.004	Năm 2017	Cải	36	36	KTCN - Hành lang các tầng		

TT	Tên tài sản, thiết bị, máy móc, CCDC	Mã tài sản	Vị trí	Theo số		Theo kiểm kê		Lịch	Ghi chú
				DVT	SL	SL	Vị trí thực tế		
303	Bàn hợp CT2010H6 (2m)	04801.00.120000.001	VP TT CNTT	Chiếc	1	1	VP TT CNTT		
304	Bàn son DT 1890 H35 (1,8m)	04801.00.120000.002	VP TT CNTT: Thầy Hồ	Chiếc	1	1	VP TT CNTT		
305	Bàn son ET 1400C (1,4m)	04801.00.120000.003	VP TT CNTT: Nghĩa +	Chiếc	2	2	VP TT CNTT		
306	Bàn son OD1200A (1,0m kèm)	04801.00.120000.004		Chiếc	1	1	VP TT CNTT		
307	Ghế xoay da (TP/TK/GD)	04801.00.120000.005	VP TT CNTT: Thầy Hồ	Chiếc	1	1	VP TT CNTT		
308	Ghế mã THT05 (ghế da)	04801.00.120000.006	VP TT CNTT: Thầy Hồ	Chiếc	1	1	VP TT CNTT		
309	Tủ son 1,84 m	04801.00.120000.008	VP TT CNTT	Chiếc	1	1	VP TT CNTT		
310	Tủ son 90 x 1,8 m cửa kính - Anh Tấn		VP TT CNTT	Chiếc	1	1	VP TT CNTT		
311	Bàn HP ET 1400 - A Tấn		VP TT CNTT	Chiếc	1	1	VP TT CNTT		
Nhà D									
312	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.106	Nhà D1 - P.103	Cái	1	1	Nhà D1 - P.103		
313	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.107	Nhà D1 - P.101	Cái	1	1	Nhà D1 - P.101		
314	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.108	Nhà D1 - P.203	Cái	1	1	Nhà D1 - P.203		
315	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.109	Nhà D1 - P.305	Cái	1	1	Nhà D1 - P.305		
316	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.110	Nhà D1 - P.403	Cái	1	1	Nhà D1 - P.403		
317	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.111	Nhà D1 - P.505	Cái	1	1	Nhà D1 - P.505		
318	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.112	Nhà D1 - P.501	Cái	1	1	Nhà D1 - P.501		
319	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.113	Nhà D3 - P.101	Cái	1	1	Nhà D3 - P.101		
320	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.114	Nhà D3 - P.105	Cái	1	1	Nhà D3 - P.105 Văn phòng		
321	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.115	Nhà D3 - P.202	Cái	1	1	Nhà D3 - P.202		
322	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.116	Nhà D3 - P.301	Cái	1	1	Nhà D3 - P.301		
323	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.117	Nhà D3 - P.305	Cái	1	1	Nhà D3 - P.305		
324	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.118	Nhà D3 - P.401	Cái	1	1	Nhà D3 - P.401		
325	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.119	Nhà D3 - P.502	Cái	1	1	Nhà D3 - P.502		
326	switch C296024PCS hệ thống mạng LAN D3	04806.01.030000.001	Nhà D3 - giữa T2 T3	Cái	1	1	Nhà D3 - Cầu thang tầng 2		
327	Tủ mạng 19U	04801.02.110000.077	Nhà D3 - Cầu thang	Chiếc	1	1	Nhà D3 - P. BGH		
328	Switch Cisco SG9524 Port 1000 Mbs/s	04806.01.110000.001	Nhà D3	Cái	1	1	Nhà D3 - Cầu thang tầng 2		
329	Tủ rack 6U hệ thống Lan nhà D3	04806.01.110000.002	Nhà D3	Cái	1	1	Nhà D3 - Cầu thang tầng 2		
Nhà Đa năng									
330	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.120	Nhà đa năng - P.101	Cái	1	1	Nhà đa năng - P.101		
331	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.121	Nhà đa năng - P.104	Cái	1	1	Nhà đa năng - P.104		
332	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.122	Nhà đa năng - P.203	Cái	1	1	Nhà đa năng - P.203		
333	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.123	Nhà đa năng - P.301	Cái	1	1	Nhà đa năng - P.301		
334	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.124	Nhà đa năng - P.302	Cái	1	1	Nhà đa năng - P.302		

TT	Tên tài sản, thiết bị, máy móc, CDC	Mã tài sản	Vị trí	Theo số		Theo kiểm kê		Lịch	Ghi chú
				DVT	SL	SL	Vị trí thực tế		
335	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.125	Nhà đa năng - P.303	Cái	1	1	Nhà đa năng - P.303		
336	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.126	Nhà đa năng - P.402	Cái	1	1	Nhà đa năng - P.402		
337	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.127	Nhà đa năng - P.403	Cái	1	1	Nhà đa năng - P.403		
338	Thiết bị mạng ở tầng truy nhập	04801.02.030000.032	Nhà đa năng - Chuyên t	Chiếc	1	1	Nhà đa năng - C.Toán		
339	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.128	Nhà G - P.105	Cái	1	1	Nhà G - P.105		
Nhà G									
340	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.129	Nhà G - P.102	Cái	1		Nhà G - P.102	1	Không thấy (Do sửa chữa trần)
341	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.130	Nhà G - P.201	Cái	1	1	Nhà G - P.201		
342	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.131	Nhà G - P.203B	Cái	1	1	Nhà G - P.203B		
343	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.132	Nhà G - P.206	Cái	1	1	Nhà G - P.206		
344	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.133	Nhà G - P.303	Cái	1	1	Nhà G - P.303		
345	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.134	Nhà G - P.304	Cái	1	1	Nhà G - P.304		
346	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.135	Nhà G - P.401	Cái	1	1	Nhà G - P.401		
347	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.136	Nhà G - P.403B	Cái	1	1	Nhà G - P.403B		
348	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.137	Nhà G - P.406	Cái	1	1	Nhà G - P.406		
349	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.138	Nhà G - P.502	Cái	1	1	Nhà G - P.502		
350	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.139	Nhà G - P.505	Cái	1	1	Nhà G - P.505		
351	Thiết bị Wifi OutdoorCiso Aironet 1570 Series Outdoor 2016	04801.01.031001.175	Nhà G - chuyên toán	Cái	1	1	Nhà G - chuyên toán		
KDCL và DBCL									
352	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.039	Nhà KDCL - MAP	Cái	1	1	Nhà KDCL - MAP		
353	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.040	Nhà KDCL - RAP	Cái	1	1	Nhà KDCL - RAP		
354	Thiết bị Wifi OutdoorCiso Aironet 1570 Series Outdoor 2016	04801.01.031001.174	Nhà KDCL	Cái	1	1	Nhà KDCL		
355	Máy chủ sao lưu dữ liệu (Backup) Dell PowerEdge R630 2016	04803.01.031001.010	Nhà KDCL A6 - T2	Cái	1	1	Nhà KDCL A6 - Tầng 2		
356	Tủ rack 6U	04801.00.110000.008	Nhà KDCL A6	Chiếc	2	2	Nhà KDCL A6 - Tầng 1		
KTCN và KTX mới									
357	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.160	Nhà KTCN - T1	Cái	1	1	Nhà KTCN - T1		
358	Bộ phát sóng ngoài trời với antenna kiểu 1	04801.02.030000.119	Nhà KTCN - T3	Chiếc	1	1	Nhà KTCN - T3		
359	Bộ phát sóng ngoài trời với antenna kiểu 1	04801.02.030000.120	Nhà KTCN - T3	Chiếc	1	1	Nhà KTCN - T3		
360	Bộ phát sóng ngoài trời với antenna kiểu 1	04801.02.030000.121	Nhà KTCN - T3	Chiếc	1	1	Nhà KTCN - T3		
361	Bộ phát sóng ngoài trời với antenna kiểu 1	04801.02.030000.122	Nhà KTCN - T3	Chiếc	1	1	Nhà KTCN - T3		
362	Bộ phát sóng ngoài trời với antenna kiểu 1	04801.02.030000.123	Nhà KTCN - T3	Chiếc	1	1	Nhà KTCN - T3		
363	Bộ phát sóng ngoài trời với antenna kiểu 1	04801.02.030000.124	Nhà KTCN - T3	Chiếc	1	1	Nhà KTCN - T3		
364	Bộ phát sóng ngoài trời với antenna kiểu 1	04801.02.030000.125	Nhà KTCN - T3	Chiếc	1	1	Nhà KTCN - T3		
365	Bộ phát sóng ngoài trời với antenna kiểu 1	04801.02.030000.126	Nhà KTCN - T3	Chiếc	1	1	Nhà KTCN - T3		
366	Bộ phát sóng ngoài trời với antenna kiểu 1	04801.02.030000.127	Nhà KTCN - T3	Chiếc	1	1	Nhà KTCN - T3		
367	Bộ phát sóng ngoài trời với antenna kiểu 1	04801.02.030000.128	Nhà KTCN - T3	Chiếc	1	1	Nhà KTCN - T3		

TT	Tên tài sản, thiết bị, máy móc, CCDC	Mã tài sản	Vị trí	Theo số		Theo kiểm kê		Lịch	Ghi chú
				ĐVT	SL	Vị trí thực tế			
368	Bộ phát sóng ngoài trời với antenna kiểu 2	04801.02.030000.130	Nhà KTCN - T2 (phía s	Chiếc	1	Nhà KTCN - T2 (phía sau KTX)			
369	Bộ phát sóng ngoài trời với antenna kiểu 3	04801.02.030000.131	Nhà KTCN - T2 (phía s	Chiếc	1	Nhà KTCN - T2 (phía trước KTX)			
370	Switch Distribution Dell Networking S3124	04807.01.031000.001	Nhà KTCN - T3	Cài	1	Nhà KTCN - T3			
371	Switch Access Dell Networking N1548	04807.01.031000.002	Nhà KTCN - T3	Cài	1	Nhà KTCN - T3			
372	Switch Access Dell Networking N1548	04807.01.031000.003	Nhà KTCN - T3	Cài	1	Nhà KTCN - T3			
373	Switch Access Dell Networking N1548	04807.01.031000.004	Nhà KTCN - T3	Cài	1	Nhà KTCN - T3			
374	Switch Access Dell Networking N1548	04807.01.031000.005	Nhà KTCN - T3	Cài	1	Nhà KTCN - T3			
375	Switch Access Dell Networking N1548	04807.01.031000.006	Nhà KTCN - T3	Cài	1	Nhà KTCN - T3			
376	Switch Access Dell Networking N1548	04807.01.031000.007	Nhà KTCN - T3	Cài	1	Nhà KTCN - T3			
377	Switch Access Dell Networking N1548	04807.01.031000.008	Nhà KTCN - T3	Cài	1	Nhà KTCN - T3			
378	Switch Access Dell Networking N1548	04807.01.031000.009	Nhà KTCN - T3	Cài	1	Nhà KTCN - T3			
379	Switch Access Dell Networking N1548	04807.01.031000.010	Nhà KTCN - T3	Cài	1	Nhà KTCN - T3			
380	Switch Access Dell Networking N1548	04807.01.031000.011	Nhà KTCN - T3	Cài	1	Nhà KTCN - T3			
381	Switch Access Dell Networking N1548	04807.01.031000.012	Nhà KTCN - T3	Cài	1	Nhà KTCN - T3			
382	Tủ mạng VSeries Server Cabinet 42U 600x1000	04807.01.031000.014	Nhà KTCN - T3	Cài	1	Nhà KTCN - T3			
383	Tủ mạng VSeries Server Cabinet 42U 600x1000	04807.01.031000.015	Nhà KTCN - T3	Cài	1	Nhà KTCN - T3			
384	Bộ lưu điện UPS 2KVA/1800W	04807.01.031000.016	Nhà KTCN - T3	Cài	1	Nhà KTCN - T3			
385	Camera cầu thang 12M Ultrar HD IPCEBW81200	04807.01.031000.017	Nhà KTCN	Cài	1	KTCN - Tầng 1			
386	Camera cầu thang 12M Ultrar HD IPCEBW81200	04807.01.031000.018	Nhà KTCN	Cài	1	KTCN - Tầng 2			
387	Camera cầu thang 12M Ultrar HD IPCEBW81200	04807.01.031000.019	Nhà KTCN	Cài	1	KTCN - Tầng 3			
388	Camera cầu thang 12M Ultrar HD IPCEBW81200	04807.01.031000.020	Nhà KTCN	Cài	1	KTCN - Tầng 4			
389	Camera cầu thang 12M Ultrar HD IPCEBW81200	04807.01.031000.021	Nhà KTCN	Cài	1	KTCN - Tầng 5			
390	Đầu ghi 64 Channel Ultra Network Video Recorder NVR608644KS2	04807.01.031000.022	Nhà KTCN - T3	Cài	1	Nhà KTCN - T3			
391	Bộ phát sóng trong nhà	04801.02.110000.016	Nhà KTCN - T1	Chiếc	1	Nhà KTCN - T1 (KTX)			
392	Bộ phát sóng trong nhà	04801.02.110000.017	Nhà KTCN - T1	Chiếc	1	Nhà KTCN - T1 (KTX)			
393	Bộ phát sóng trong nhà	04801.02.110000.018	Nhà KTCN - T1	Chiếc	1	Nhà KTCN - T1 (KTX)			
394	Bộ phát sóng trong nhà	04801.02.110000.019	Nhà KTCN - T5	Chiếc	1	Nhà KTCN - T5 (KTX)			
395	Bộ phát sóng trong nhà	04801.02.110000.020	Nhà KTCN - T5	Chiếc	1	Nhà KTCN - T5 (KTX)			
396	Bộ phát sóng trong nhà	04801.02.110000.021	Nhà KTCN - T2	Chiếc	1	Nhà KTCN - T2 (KTX)			
397	Bộ phát sóng trong nhà	04801.02.110000.022	Nhà KTCN - T2	Chiếc	1	Nhà KTCN - T2 (KTX)			
398	Bộ phát sóng trong nhà	04801.02.110000.023	Nhà KTCN - T2	Chiếc	1	Nhà KTCN - T2 (KTX)			
399	Bộ phát sóng trong nhà	04801.02.110000.024	Nhà KTCN - T2	Chiếc	1	Nhà KTCN - T2 (KTX)			
400	Bộ phát sóng trong nhà	04801.02.110000.025	Nhà KTCN - T3	Chiếc	1	Nhà KTCN - T3 (KTX)			
401	Bộ phát sóng trong nhà	04801.02.110000.026	Nhà KTCN - T3	Chiếc	1	Nhà KTCN - T3 (KTX)			
402	Bộ phát sóng trong nhà	04801.02.110000.027	Nhà KTCN - T3	Chiếc	1	Nhà KTCN - T3 (KTX)			
403	Bộ phát sóng trong nhà	04801.02.110000.028	Nhà KTCN - T4	Chiếc	1	Nhà KTCN - T4 (KTX)			

TT	Tên tài sản, thiết bị, máy móc, CCDC	Mã tài sản	Vị trí	Theo số		Theo kiểm kê		Lịch	Ghi chú
				DV/T	SL	Vị trí thực tế			
404	Bộ phát sóng trong nhà	04801.02.110000.029	Nhà KTCN - T4	Chiếc	1	1 Nhà KTCN - T4 (KTX)			
405	Bộ phát sóng trong nhà	04801.02.110000.030	Nhà KTCN - T4	Chiếc	1	1 Nhà KTCN - T4 (KTX)			
406	Bộ phát sóng trong nhà	04801.02.110000.031	Nhà KTCN - T4	Chiếc	1	1 Nhà KTCN - T4 (KTX)			
407	Bộ phát sóng trong nhà	04801.02.110000.032	Nhà KTCN	Chiếc	1	1 Nhà KTCN - Tầng 3			
408	Bộ phát sóng trong nhà	04801.02.110000.033	Nhà KTCN	Chiếc	1	1 Nhà KTCN - Tầng 3			
409	Điểm phát sóng trong nhà	04801.02.110000.034	Nhà KTCN	Chiếc	1	1 Nhà KTCN - Tầng 3			
410	Điểm phát sóng trong nhà	04801.02.110000.035	Nhà KTCN	Chiếc	1	1 Nhà A0-P.Máy chủ			
411	AMP Patch Paner 48 Port	04807.01.110000.001	Nhà KTCN - T3	Cái	12	12 Nhà KTCN - Tầng 3			
412	Thanh nguồn Rack Power strip (12) Universal Outlets	04807.01.110000.002	Nhà KTCN - T3	Cái	4	4 Nhà KTCN - Tầng 3			
413	Thiết bị mạng ở tầng truy nhập (Bộ phát wifi linksys)	04801.02.030000.042	Nhà KTX	Chiếc	12	12 Nhà KTCN - Tầng 3			Hồng. Đề nghị thu
414	Bộ phát sóng wifi linksys 160 NL	04801.00.110000.007	Nhà KTX	bộ	4	4 Nhà KTCN - Tầng 3			Hồng. Đề nghị thu
	KTX số 1,2,3,4								
415	Tủ mạng 19U	04801.02.110000.079	Nhà KTX số 1 - T2	Chiếc	1	1 Nhà KTX số 1 - Tầng 2			
416	Tủ mạng 19U	04801.02.110000.081	Nhà KTX số 2 - T2	Chiếc	1	1 Nhà KTX số 2 - Tầng 2			
417	Bộ phát sóng ngoài trời với antenna Kiểu 2	04801.02.030000.129	KTX số 3 - T3	Chiếc	1	1 KTX số 3 - Phía sau Tầng 3			
418	Điểm phát sóng trong nhà	04801.02.110000.036	Nhà KTX số 3 - T1	Chiếc	1	1 KTCN - Tầng 3			
419	Điểm phát sóng trong nhà	04801.02.110000.037	Nhà KTX số 3 - T1	Chiếc	1	1 KTCN - Tầng 3			
420	Điểm phát sóng trong nhà	04801.02.110000.038	Nhà KTX số 3 - T1	Chiếc	1	1 KTCN - Tầng 3			
421	Điểm phát sóng trong nhà	04801.02.110000.039	Nhà KTX số 3 - T2	Chiếc	1	1 KTCN - Tầng 3			
422	Điểm phát sóng trong nhà	04801.02.110000.040	Nhà KTX số 3 - T2	Chiếc	1	1 KTCN - Tầng 3			
423	Điểm phát sóng trong nhà	04801.02.110000.041	Nhà KTX số 3 - T2	Chiếc	1	1 KTCN - Tầng 3			
424	Điểm phát sóng trong nhà	04801.02.110000.042	Nhà KTX số 3 - T3	Chiếc	1	1 KTCN - Tầng 3			
425	Điểm phát sóng trong nhà	04801.02.110000.043	Nhà KTX số 3 - T3	Chiếc	1	1 KTCN - Tầng 3			
426	Điểm phát sóng trong nhà	04801.02.110000.044	Nhà KTX số 3 - T3	Chiếc	1	1 KTCN - Tầng 3			
427	Điểm phát sóng trong nhà	04801.02.110000.045	Nhà KTX số 3 - T4	Chiếc	1	1 KTCN - Tầng 3			
428	Điểm phát sóng trong nhà	04801.02.110000.046	Nhà KTX số 3 - T4	Chiếc	1	1 KTCN - Tầng 3			
429	Điểm phát sóng trong nhà	04801.02.110000.047	Nhà KTX số 3 - T4	Chiếc	1	1 KTCN - Tầng 3			
430	Điểm phát sóng trong nhà	04801.02.110000.048	Nhà KTX số 3 - T5	Chiếc	1	1 KTCN - Tầng 3			
431	Điểm phát sóng trong nhà	04801.02.110000.049	Nhà KTX số 3 - T5	Chiếc	1	1 KTCN - Tầng 3			
432	Điểm phát sóng trong nhà	04801.02.110000.050	Nhà KTX số 3 - T5	Chiếc	1	1 KTCN - Tầng 3			
433	Tủ mạng 19U	04801.02.110000.082	Nhà KTX số 3 - T2	Chiếc	1	1 Nhà KTX 3 - Tầng 2			
434	Thiết bị mạng ở tầng truy nhập	04801.02.030000.036	Nhà KTX số 4	Cái	1	1 Nhà KTX 4 - Tầng 1			
435	Distribution Switch Dell Networking S31242017	04805.01.031000.017	Nhà KTX số 4	Cái	1	1 Nhà KTX 4 - Tầng 1			
436	Tủ mạng 19U	04801.02.110000.078	Nhà KTX số 4 - T1	Chiếc	1	1 Nhà KTX 4 - Tầng 1			
437	Tủ mạng 19U	04801.02.110000.080	Nhà KTX số 4 - T2	Chiếc	1	1 Nhà KTX 4 - Tầng 2			
	Nhà Thi đấu								
438	Thiết bị Wifi IndoorCiso Alronet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.041	Nhà Nhà thi đấu - 01	Cái	1	1 Nhà Nhà thi đấu - 01			

TT	Tên tài sản, thiết bị, máy móc, CCDC	Mã tài sản	Vị trí	Theo số		Theo kiểm kê		Lịch	Ghi chú
				BVT	SL	SL	Vị trí thực tế		
439	Thiết bị Wifi IndoorCisco Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.042	Nhà Nhà thi đấu - 02	Cái	1	1	Nhà Nhà thi đấu - 02		
Trường THSP									
440	Thiết bị Wifi IndoorCisco Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.021	THSP - Tiểu học T1-01	Cái	1	1	THSP - Tiểu học T1-01		
441	Thiết bị Wifi IndoorCisco Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.022	THSP - Tiểu học T2-01	Cái	1	1	THSP - Tiểu học T2-01		
442	Thiết bị Wifi IndoorCisco Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.023	THSP - Tiểu học T3-01	Cái	1	1	THSP - Tiểu học T3-01		
443	Thiết bị Wifi IndoorCisco Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.024	THSP - Tiểu học T4-01	Cái	1	1	THSP - Tiểu học T4-01		
444	Thiết bị Wifi IndoorCisco Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.025	THSP - Mầm non T1-01	Cái	1	1	THSP - Mầm non T1		
445	Thiết bị Wifi IndoorCisco Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.026	THSP - Mầm non T1-02	Cái	1	1	THSP - Mầm non T2		
446	Thiết bị Wifi IndoorCisco Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.169	Nhà tiêu học T3 - 02	Cái	1	1	Nhà tiêu học T3 - 02		
447	Thiết bị Wifi OutdoorCisco Aironet 1570 Series Outdoor 2016	04801.01.031001.176	Nhà Mầm non	Cái	1	1	Nhà Mầm non - Phía sau		
448	Thiết bị Wifi OutdoorCisco Aironet 1570 Series Outdoor 2016	04801.01.031001.177	AP - Outdoor - NTTD	Cái	1	1	Nhà TD - Phía sân vận động		
449	Thiết bị chuyển mạch phân phối Cisco WSC385024TS 2016	04803.01.031001.005	Trường THSP - Mầm non	Cái	1	1	Tiểu học - Phòng mạng (A Phôn)		
450	Distribution Switch Dell Networking S31242017	04805.01.031000.016	Trường THSP - Tiểu học	Cái	1	1	Mầm non - Phòng mạng tầng 1		
451	Thiết bị Wifi IndoorCisco Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.169	Nhà tiêu học T3 - 02	Cái	1	1	Trường	1	
452	Thiết bị Wifi OutdoorCisco Aironet 1570 Series Outdoor 2016	04801.01.031001.176	Nhà Mầm non	Cái	1	1	Trường	1	
453	Thiết bị Wifi OutdoorCisco Aironet 1570 Series Outdoor 2016	04801.01.031001.177	AP - Outdoor - NTTD	Cái	1	1	Trường	1	
454	Thiết bị chuyển mạch phân phối Cisco WSC385024TS 2016	04803.01.031001.005	Trường THSP - Mầm non	Cái	1	1	Trường	1	
455	Distribution Switch Dell Networking S31242017	04805.01.031000.016	Trường THSP - Tiểu học	Cái	1	1	Trường	1	
Nhà THTN									
456	Thiết bị Wifi IndoorCisco Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.029	Nhà THTN T1-03	Cái	1	1	Nhà THTN T1-03		
457	Thiết bị Wifi IndoorCisco Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.030	Nhà THTN T2-01	Cái	1	1	Nhà THTN T2-01		
458	Thiết bị Wifi IndoorCisco Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.031	Nhà THTN T2-02	Cái	1	1	Nhà THTN T2-02		
459	Thiết bị Wifi IndoorCisco Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.032	Nhà THTN T2-03	Cái	1	1	Nhà THTN T2-03		
460	Thiết bị Wifi IndoorCisco Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.033	Nhà THTN T3-01	Cái	1	1	Nhà THTN T3-01		
461	Thiết bị Wifi IndoorCisco Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.034	Nhà THTN T3-02	Cái	1	1	Nhà THTN T3-02		
462	Thiết bị Wifi IndoorCisco Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.035	Nhà THTN T3-03	Cái	1	1	Nhà THTN T3-03		
463	Thiết bị Wifi IndoorCisco Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.036	Nhà THTN T4-01	Cái	1	1	Nhà THTN T4-01		
464	Thiết bị Wifi IndoorCisco Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.037	Nhà THTN T4-02	Cái	1	1	Nhà THTN T4-02		
465	Thiết bị Wifi IndoorCisco Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.038	Nhà THTN T4-03	Cái	1	1	Nhà THTN T4-03		
466	Thiết bị mạng ở tầng truy nhập	04801.02.030000.033	Nhà THTN - T3	Chiếc	1	1	Nhà THTN - T3		
467	Thiết bị mạng ở tầng truy nhập	04801.02.030000.034	Nhà THTN - T3	Chiếc	1	1	Nhà THTN - T3		
468	Thiết bị mạng ở tầng truy nhập	04801.02.030000.035	Nhà THTN - T3	Chiếc	1	1	Nhà THTN - T3		
469	Distribution Switch Dell Networking S31242017	04805.01.031000.013	Nhà THTN - T3	Cái	1	1	Nhà THTN - T3		
470	Tủ mạng 19U	04801.02.110000.086	Nhà THTN - T3	Chiếc	1	1	Nhà THTN - T3		

TT	Tên tài sản, thiết bị, máy móc, CCDC	Mã tài sản	Vị trí	Theo số		Theo kiểm kê		Lịch	Ghi chú
				DVT	SL	SL	Vị trí thực tế		
	Nhà Thư viện								
471	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.140	Nhà Thư viện - T1 - P. 4	Cái	1	1	Phòng GD- Tầng 5 (A Hẹp)		
472	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.141	Nhà Thư viện - T1 - P. 4	Cái	1	1	Thư viện - Tầng 1		
473	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.142	Nhà Thư viện - T1 - P. N	Cái	1	1	Thư viện - Tầng 1		
474	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.143	Nhà Thư viện - T2 - P. 2	Cái	1	1	Thư viện - Phòng 201		
475	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.144	Nhà Thư viện - T2 - P. 2	Cái	1	1	Thư viện - Phòng 204A		
476	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.145	Nhà Thư viện - T2 - P. 2	Cái	1	1	Thư viện - Phòng 205		
477	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.146	Nhà Thư viện - T3 - P. 4	Cái	1	1	Thư viện - Tầng 3 - P. đọc tổng hợp		
478	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.147	Nhà Thư viện - T3 - P. 4	Cái	1	1	Thư viện - Tầng 3 - P. PGD (Som)		
479	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.148	Nhà Thư viện - T3 - P. 4	Cái	1	1	Thư viện - Tầng 3 - P. Hợp ngoài		
480	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.149	Nhà Thư viện - T3 - P. 4	Cái	1	1	Thư viện - Tầng 3 - P. Scan số hóa		
481	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.150	Nhà Thư viện - T4 - P. 4	Cái	1			1	Không thấy. Trên diện tích có 19 con. Trên số 20 con
482	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.151	Nhà Thư viện - T4 - P. 4	Cái	1	1	Thư viện - Tầng 4 - P. Phân loại biên mục		
483	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.152	Nhà Thư viện - T5 - P. 4	Cái	1	1	Thư viện - Tầng 5 - Phía ngoài		
484	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.153	Nhà Thư viện - T5 - P. 4	Cái	1	1	Thư viện - Tầng 5 - P. Đọc KHTN		
485	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.154	Nhà Thư viện - T6 - P. 4	Cái	1	1	Thư viện - Tầng 6 - Kho tự chọn		
486	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.155	Nhà Thư viện - T6 - P. 4	Cái	1	1	Thư viện - Tầng 6 - P. GD (A Bình)		
487	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.156	Nhà Thư viện - T6 - P. 4	Cái	1	1	Thư viện - Tầng 6 - P. Cao học 12		
488	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.157	Nhà Thư viện - T7 - P. 4	Cái	1	1	Thư viện - Tầng 7 - P. Hội thảo		
489	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.158	Nhà Thư viện - T7 - P. 4	Cái	1	1	Thư viện - Tầng 7 - P. Cao học 15		
490	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.159	Nhà Thư viện - T7 - P. 4	Cái	1	1	Thư viện - Tầng 7 - P. Phía ngoài CH17_18		

TT	Tên tài sản, thiết bị, máy móc, CCDC	Mã tài sản	Vị trí	Theo số		Theo kiểm kê		Lịch	Ghi chú
				ĐVT	SL	SL	Vị trí thực tế		
491	Thiết bị mạng ở tầng truy nhập	04801.02.030000.038	Nhà Thư viện	Chiếc	1	1	Thư viện - Tầng 3 - PGD (Som)		
492	Công thông tin điện tử Trường Đại học Vinh theo HD 30.2016	04801.01.080000.001	Thư viện	HT	1	1	Thư viện - Tầng 3 - PGD (Som)		
493	Phần mềm ảo hóa, quản trị cho các máy chủ ảo trung tâm tích hợp dữ liệu và hạ tầng mạng	04801.01.080101.001	Thư viện	HT	1	1	Thư viện - Tầng 3 - PGD (Som)		
494	TB chống sét cho nguồn	04801.00.110000.001	Thư viện	Chiếc	8	8	Thư viện - Tầng 3 - PGD (Som)		
495	TB chống sét cho nguồn	04801.00.110000.002	Thư viện	Chiếc	1	1	Thư viện - Tầng 3 - PGD (Som)		
496	TB chống sét cho máy chủ	04801.00.110000.003	Thư viện	Chiếc	4	4	Thư viện - Tầng 3 - PGD (Som)		
497	Tủ HUB nhỏ	04801.00.110000.004	Thư viện	Chiếc	2	2	Thư viện - Tầng 3 - PGD (Som)		
	Các vị trí khác								
498	Hệ thông camera speedom sau nhà Đa năng và nhà thí nghiệm XD với 2 con speedom	04807.01.030701.001	Nhà thí nghiệm XD	HT	1	1	Nhà ĐN Croan và thí nghiệm Xây dựng		
499	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.168	Nhà truyền thông - T2	Cái	1	1	Nhà truyền thông - Tầng 2		
500	Thiết bị Wifi IndoorCiso Aironet 1700 Series Access Points 2016	04801.01.031001.167	Trạm Y tế - T1	Cái	1	1	Trạm Y tế - Tầng 1		
	Tổng cộng				6,157	6,114		43	

TRƯỞNG BAN KIỂM KÊ
(Ký họ, tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG
(Ký họ, tên)

Nghệ an, ngày 20 tháng 06 năm 2019
BỘ PHẬN KIỂM KÊ
(Ký họ, tên)